

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản của Luật Xây dựng ngày 29 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (sau đây gọi là di tích).

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam khi tiến hành các hoạt động lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; tổ

chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là việc xác định phạm vi và biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích trong một khu vực xác định, định hướng tổ chức không gian các hạng mục công trình xây dựng mới, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và tạo lập môi trường cảnh quan thích hợp trong khu vực di tích.

2. Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là tập hợp đề xuất về các biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích, cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái và các yếu tố khác có liên quan nhằm mục đích bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

3. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích có quy mô nhỏ được lập theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản quản lý đầu tư xây dựng cần phải tuân thủ trong thời gian lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

4. Quy chuẩn bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là các quy định bắt buộc áp dụng trong hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch ban hành.

5. Tiêu chuẩn bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là chuẩn mực kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, trình tự thực hiện các công việc kỹ thuật, các chỉ tiêu, các chỉ số kỹ thuật, các chỉ số tự nhiên được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận để áp dụng trong hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Tiêu chuẩn bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gồm tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng và tiêu chuẩn khuyến khích áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, di sản văn hóa, các Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phù hợp với mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và quy hoạch phát triển các ngành trong phạm vi khu vực quy hoạch đã được phê duyệt nhằm đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, thống nhất và hài hòa

về hình thái không gian, kiến trúc khu vực, đảm bảo môi trường cảnh quan bền vững, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển trong khu vực.

3. Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải được lập, phê duyệt với định hướng lâu dài từ 10 năm đến 20 năm để làm cơ sở cho các hoạt động đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi, khai thác, phát huy giá trị di tích. Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải phân thành định kỳ 5 năm kể từ năm 2010 để đánh giá lại, xem xét điều chỉnh (nếu cần thiết) nhằm phù hợp với thực tiễn bảo vệ di tích, với quy hoạch xây dựng và các quy hoạch chuyên ngành khác đã được phê duyệt còn hiệu lực hoặc đã thực hiện.

4. Quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải xuất phát từ nhiệm vụ giữ gìn tối đa các yếu tố gốc của di tích để phát huy giá trị. Đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp về không gian kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, môi trường cảnh quan trong khu vực quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

5. Dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và phù hợp với quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

6. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Điều 4. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong việc quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Tổ chức, cá nhân tham gia lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là quy hoạch di tích), lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là dự án tu bổ di tích), lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích), lập thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật về xây dựng.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định chi tiết điều kiện chuyên môn của tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện lập quy hoạch di tích, lập dự án tu bổ di tích, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, lập thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 5. Kinh phí lập quy hoạch di tích

Kinh phí lập quy hoạch di tích được cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm của ngân sách địa phương, ngân sách của Bộ, ngành được giao quản lý di tích và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

Chương II**QUY HOẠCH BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH****Điều 6. Phân loại quy hoạch di tích**

Quy hoạch di tích được phân làm hai loại sau đây:

1. Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi hệ thống di tích (sau đây gọi chung là quy hoạch hệ thống di tích) là quy hoạch toàn bộ di tích trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích;

2. Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi chung là quy hoạch tổng thể di tích) là quy hoạch đối với một di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học.

Điều 7. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch di tích

Quy hoạch di tích với sản phẩm là các hồ sơ (bản vẽ, thuyết minh) và đồ án quy hoạch, được thực hiện theo trình tự sau đây:

1. Xin chủ trương (kèm theo khái toán sơ bộ) các công việc phục vụ lập quy hoạch di tích;

2. Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đánh giá sơ bộ về: Các vấn đề kinh tế - xã hội; bảo vệ và phát huy giá trị di tích; đầu tư xây dựng và các vấn đề liên quan;

3. Thu thập bản đồ đo đạc địa hình khu vực, bản đồ quy hoạch xây dựng và quy hoạch chuyên ngành khác đã được phê duyệt còn hiệu lực liên quan tới khu vực lập quy hoạch di tích;

4. Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, lập hồ sơ (bản vẽ, thuyết minh) đánh giá về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích, di vật, di sản văn hóa phi vật thể thuộc phạm vi quy hoạch;

5. Tổ chức lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan để hoàn thiện nhiệm vụ quy hoạch di tích;

6. Lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch di tích;
7. Tổ chức điều tra, khảo sát chi tiết, khai quật khảo cổ, thu thập tài liệu liên quan đến nội dung quy hoạch di tích;
8. Lập đồ án quy hoạch di tích;
9. Lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan về đồ án quy hoạch di tích;
10. Thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch di tích;
11. Công bố công khai quy hoạch di tích đã được phê duyệt tại địa phương nơi có di tích.
12. Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch di tích được duyệt.

Điều 8. Nhiệm vụ quy hoạch hệ thống di tích

1. Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát di tích và các yếu tố kinh tế - xã hội liên quan trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2. Xác định đặc điểm, tính chất, giá trị, hiện trạng về tình trạng kỹ thuật, quản lý sử dụng và phát huy giá trị di tích thuộc phạm vi quy hoạch.
3. Đề xuất định hướng và kế hoạch lập quy hoạch tổng thể di tích, kế hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, kế hoạch cắm mốc giới bảo vệ di tích, kế hoạch giải tỏa vi phạm, kế hoạch tổ chức phát huy giá trị di tích cho từng giai đoạn 5 năm, 10 năm và đề xuất kế hoạch lập hồ sơ xếp hạng di tích đối với các đối tượng trong danh mục kiểm kê di tích.
4. Đánh giá môi trường chiến lược, dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong khu vực.
5. Xác định nội dung chi tiết của đồ án quy hoạch, thời hạn hoàn thành đồ án quy hoạch.

Nhiệm vụ quy hoạch hệ thống di tích được xây dựng thành báo cáo trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Điều 9. Nội dung quy hoạch hệ thống di tích

Quy hoạch hệ thống di tích bao gồm những nội dung sau đây:

1. Căn cứ lập quy hoạch;
2. Đánh giá tổng quan về đặc điểm, tính chất, giá trị, hiện trạng, về tình trạng kỹ thuật, quản lý sử dụng và phát huy giá trị di tích thuộc phạm vi quy hoạch;
3. Mục tiêu dài hạn, mục tiêu ngắn hạn;

4. Thống kê, đánh giá hiện trạng và phân tích tình hình quản lý, sử dụng đất của di tích; xác định danh mục di tích cần điều chỉnh các khu vực bảo vệ di tích;

5. Đề xuất định hướng và kế hoạch cấm mốc giới bảo vệ di tích, giải tỏa vi phạm, danh mục di tích cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi theo giá trị và mức độ hư hỏng, tổ chức phát huy giá trị di tích cho từng giai đoạn 5 năm, 10 năm và kế hoạch lập hồ sơ xếp hạng di tích đối với các đối tượng trong danh mục kiểm kê di tích; đề xuất định hướng xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích;

6. Định hướng kết nối hạ tầng kỹ thuật;

7. Dự toán kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện quy hoạch;

8. Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động môi trường;

9. Giải pháp, cơ chế chính sách để thực hiện quy hoạch.

Điều 10. Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích

1. Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát di tích và các yếu tố kinh tế - xã hội có liên quan.

2. Nghiên cứu đánh giá các yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến việc lập và triển khai quy hoạch.

3. Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di tích.

4. Đề xuất định hướng, kế hoạch lập quy hoạch tổng thể di tích và kế hoạch chi tiết cho các việc cấm mốc giới, giải tỏa vi phạm, tổ chức phát huy giá trị di tích và lập hồ sơ xếp hạng di tích.

5. Đề xuất định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan cho việc bảo tồn di tích và xây dựng mới.

6. Xác định nội dung chi tiết của đồ án quy hoạch, thời hạn hoàn thành đồ án quy hoạch.

Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích được xây dựng thành báo cáo trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Điều 11. Nội dung quy hoạch tổng thể di tích

1. Căn cứ lập quy hoạch tu bổ di tích bao gồm:

a) Văn bản pháp luật có liên quan đến quy hoạch;

b) Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, quy hoạch hệ thống di tích của địa phương đã được phê duyệt;

c) Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích đã được phê duyệt;

d) Quy chuẩn, tiêu chuẩn về bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng di tích và đất đai thuộc di tích bao gồm:

a) Kết quả khảo sát, nghiên cứu về đặc điểm, giá trị di tích; vai trò của di tích trong mối quan hệ vùng; tình trạng kỹ thuật, quản lý, sử dụng và phát huy giá trị di tích;

b) Phân tích, đánh giá môi trường tự nhiên và xã hội; các yếu tố kinh tế - xã hội; hiện trạng về sử dụng đất; hiện trạng về cơ sở hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch;

c) Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di tích.

3. Quan điểm, mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn của quy hoạch tổng thể di tích.

4. Xác định ranh giới các khu vực bảo vệ di tích, kiến nghị về việc điều chỉnh mở rộng hoặc thu hẹp các khu vực bảo vệ di tích, xác định khu vực cảnh quan thiên nhiên, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực xây dựng mới.

5. Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: Phương hướng chung đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của toàn khu vực quy hoạch; danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng hạng mục di tích; nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

6. Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững.

7. Định hướng tổ chức không gian, công trình kiến trúc xây dựng mới, độ cao, mật độ xây dựng, hình thức kiến trúc, vật liệu xây dựng; định hướng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích.

8. Dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong khu vực quy hoạch tổng thể di tích.

9. Đề xuất các dự án thành phần, phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên các dự án thành phần và nguồn vốn đầu tư cho các dự án.

10. Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch tổng thể di tích.

Điều 12. Thẩm quyền, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích và quy hoạch di tích

1. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích và quy hoạch di tích:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích, đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia đặc biệt và đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia có quy mô đầu tư lớn;

b) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ, ngành liên quan để thẩm định, đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích, đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia đặc biệt và đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia có quy mô đầu tư lớn; thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ quy hoạch hệ thống di tích, đồ án quy hoạch hệ thống di tích, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích quốc gia, đồ án quy hoạch tổng thể di tích quốc gia;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích, đồ án quy hoạch di tích không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích; thỏa thuận đồ án quy hoạch tổng thể di tích thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích;

d) Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích phê duyệt quy hoạch tổng thể di tích thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch di tích thuộc thẩm quyền.

2. Thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích và quy hoạch di tích:

a) Đối với di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia có quy mô đầu tư lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Thủ tướng Chính phủ để phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích, đồ án quy hoạch tổng thể di tích; gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thẩm định, đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích đồ án quy hoạch tổng thể di tích.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 1 Điều này có trách nhiệm xem xét thỏa thuận hoặc phê duyệt chủ trương, thẩm định hoặc phê

duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích, thẩm định hoặc phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể di tích theo thẩm quyền.

b) Đối với di tích quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ quy hoạch di tích quốc gia, đồ án quy hoạch di tích quốc gia quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ quy hoạch di tích quốc gia, đồ án quy hoạch di tích quốc gia theo thẩm quyền.

c) Đối với di tích thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thỏa thuận chủ trương, phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích và đồ án quy hoạch di tích thuộc thẩm quyền.

d) Đối với di tích thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, người đứng đầu cơ quan quản lý di tích trực thuộc gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ và ý kiến thỏa thuận của người có thẩm quyền quy định tại điểm b hoặc Điểm c Khoản 1 Điều này bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích để phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích thuộc thẩm quyền.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích, đồ án quy hoạch di tích thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Trường hợp lập quy hoạch tổng thể di tích quốc gia đặc biệt mà di tích đó gồm nhiều điểm phân bố trên địa bàn nhiều tỉnh thì Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chọn địa phương chịu trách nhiệm chủ trì lập quy hoạch. Đối với trường hợp lập quy hoạch tổng thể không phải là di tích quốc gia đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.

Điều 13. Hồ sơ quy hoạch di tích

1. Hồ sơ quy hoạch hệ thống di tích gồm:

a) Bản vẽ:

Bản đồ vị trí di tích trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực tỷ lệ 1/50.000 hoặc 1/100.000;

Bản đồ xác định các vùng di tích trọng điểm trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực tỷ lệ 1/10.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp tùy theo khu vực quy hoạch;

Bản đồ định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật liên kết các vùng di tích trọng điểm tỷ lệ 1/10.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch.

b) Báo cáo thuyết minh tổng hợp; các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ, thẩm định đồ án quy hoạch di tích và văn bản khác có liên quan;

c) Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch hệ thống di tích.

2. Hồ sơ quy hoạch tổng thể di tích gồm:

a) Bản vẽ:

Bản đồ vị trí di tích trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực tỷ lệ 1/5.000;

Bản đồ mối liên hệ vùng tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000;

Bản đồ hiện trạng tổng hợp về sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và đánh giá quỹ đất xây dựng trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực và bản đồ quy hoạch xây dựng khu vực (đã được phê duyệt và còn hiệu lực) tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;

Bản đồ định hướng tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;

Bản đồ xác định các khu vực bảo vệ và cấm mốc giới di tích; bản đồ xác định khu vực cần giải tỏa vi phạm di tích tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;

Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;

Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch.

b) Điều lệ quản lý quy hoạch;

c) Báo cáo thuyết minh tổng hợp; các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định nhiệm vụ, thẩm định đồ án quy hoạch di tích và văn bản khác có liên quan;

d) Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể di tích.

Điều 14. Điều chỉnh quy hoạch di tích

1. Quy hoạch di tích được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có sự điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược quốc phòng an ninh có ảnh hưởng tới di tích;

b) Có sự thay đổi về địa giới hành chính hoặc điều kiện địa lý, tự nhiên;

c) Có sự thay đổi hoặc có phát hiện mới về di tích trong khu vực quy hoạch.

2. Người có thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch di tích, đồ án quy hoạch di tích quy định tại Điều 12 Nghị định này có thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch di tích, đồ án điều chỉnh quy hoạch di tích.

Điều 15. Quản lý quy hoạch di tích

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thủ trưởng Bộ, ngành được giao quản lý di tích chịu trách nhiệm tổ chức công bố, cắm mốc giới trên thực địa, cung cấp thông tin và thực hiện quy hoạch di tích.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm đôn đốc, tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch di tích.

Chương III

DỰ ÁN BẢO QUẢN, TU BỒ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Điều 16. Thẩm quyền lập dự án tu bổ di tích

Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích chịu trách nhiệm lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện hành nghề lập dự án tu bổ di tích trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Thẩm quyền, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương lập dự án tu bổ di tích, dự án tu bổ di tích

1. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương lập dự án tu bổ di tích và dự án tu bổ di tích:

a) Đối với dự án tu bổ di tích có mức đầu tư lớn phải được sự chấp thuận về chủ trương của Thủ tướng Chính phủ theo quy định;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích phê duyệt chủ trương lập dự án tu bổ di tích, dự án tu bổ di tích và có trách nhiệm tổ chức lập dự án tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thỏa thuận chủ trương lập dự án tu bổ di tích, thẩm định dự án tu bổ di tích quốc gia đặc biệt, dự án tu bổ di tích quốc gia;

d) Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thỏa thuận chủ trương lập dự án tu bổ di tích, thẩm định dự án tu bổ di tích cấp tỉnh.

2. Thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương lập dự án tu bổ di tích và dự án tu bổ di tích:

a) Đối với di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét thỏa thuận chủ trương lập dự án tu bổ di tích hoặc thẩm định dự án tu bổ di tích.

b) Đối với di tích cấp tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt chủ trương lập dự án tu bổ di tích hoặc phê duyệt dự án tu bổ di tích.

c) Đối với di tích cấp tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, Thủ trưởng cơ quan được giao trực tiếp quản lý di tích gửi văn bản đề nghị kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ và văn bản thẩm định của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng Bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích có trách nhiệm phê duyệt chủ trương lập dự án tu bổ di tích hoặc phê duyệt dự án tu bổ di tích.

3. Thẩm quyền, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật được thực hiện như quy định thẩm quyền, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương lập dự án tu bổ di tích, dự án tu bổ di tích tại Điều này.

Điều 18. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án tu bổ di tích

1. Xin chủ trương lập dự án tu bổ di tích;

2. Khảo sát, thu thập tài liệu về di tích và những vấn đề liên quan đến di tích;

3. Lập dự án tu bổ di tích;
4. Lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân về dự án tu bổ di tích;
5. Thẩm định và phê duyệt dự án tu bổ di tích;
6. Công bố công khai dự án tu bổ di tích đã được phê duyệt tại địa phương nơi có di tích.

Điều 19. Nội dung dự án tu bổ di tích

1. Thuyết minh dự án tu bổ di tích bao gồm các nội dung sau:
 - a) Căn cứ lập dự án tu bổ di tích;
 - b) Giới thiệu khái quát về di tích và giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của di tích;
 - c) Báo cáo khảo sát chi tiết về các vấn đề lịch sử, khảo cổ, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, quá trình xây dựng, tu bổ, kỹ thuật, vật liệu xây dựng di tích; đánh giá tình trạng kỹ thuật, tình hình quản lý, sử dụng di tích và các kết quả khảo sát theo quy định của Luật Xây dựng;
 - d) Mục tiêu dự án tu bổ di tích;
 - đ) Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được áp dụng trong dự án tu bổ di tích;
 - e) Phương án thiết kế mặt bằng tổng thể di tích; phương án giải tỏa vi phạm di tích (nếu có); phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi từng hạng mục của di tích; phương án bảo vệ di tích và các hiện vật trong quá trình thi công; phương án duy trì hoạt động ở di tích trong quá trình thi công; phương án phòng chống mối mọt, phòng chống cháy nổ; phương án xây dựng công trình mới và hạ tầng kỹ thuật;
 - g) Giải pháp kỹ thuật, công nghệ, vật liệu sử dụng để bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;
 - h) Phương án thiết kế kiến trúc đối với công trình xây dựng mới yêu cầu kiến trúc;
 - i) Đánh giá tác động môi trường của dự án tu bổ di tích;
 - k) Dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện dự án tu bổ di tích;
 - l) Tiến độ thực hiện dự án, hình thức thực hiện dự án tu bổ di tích;
 - m) Phương án bảo dưỡng, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích.
2. Bộ ảnh màu kích thước 10 x 15cm mô tả về tổng thể di tích, các hạng mục di tích, các kết cấu tiêu biểu, hiện vật, tình trạng xuống cấp của công trình. Ảnh được chụp vào thời điểm khảo sát, lập dự án tu bổ di tích.

3. Thiết kế cơ sở của dự án tu bổ di tích gồm:

a) Bản vẽ, ảnh tư liệu liên quan đến quá trình hình thành, tồn tại, biến đổi và những lần tu bổ trước đây của di tích;

b) Các bản vẽ hiện trạng di tích gồm:

Bản vẽ xác định vị trí di tích trên bản đồ hành chính cấp tỉnh, tỷ lệ 1/50.000;

Bản vẽ hiện trạng mặt bằng tổng thể di tích, tỷ lệ 1/500;

Bản vẽ hiện trạng mặt bằng các hạng mục công trình thuộc di tích, bản vẽ mặt bằng hiện trạng từng hạng mục di tích, bản vẽ hiện trạng mặt đứng từng hạng mục di tích, bản vẽ hiện trạng mặt cắt từng hạng mục di tích, bản vẽ hiện trạng từng bộ phận của các hạng mục di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi tỷ lệ 1/50.

c) Bản vẽ thiết kế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích gồm:

Bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể di tích tỷ lệ 1/500;

Bản vẽ thiết kế mặt bằng các hạng mục công trình thuộc di tích, bản vẽ thiết kế mặt bằng từng hạng mục di tích, bản vẽ thiết kế mặt đứng từng hạng mục di tích, bản vẽ thiết kế mặt cắt từng hạng mục di tích, bản vẽ thiết kế từng bộ phận của các hạng mục di tích, tỷ lệ 1/50.

d) Bản vẽ thiết kế từng hạng mục xây dựng mới theo quy định của pháp luật về xây dựng;

đ) Bản vẽ phối cảnh thể hiện trên khổ giấy từ A3 trở lên.

Điều 20. Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Chủ đầu tư lập thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích sau khi dự án tu bổ di tích được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định này phê duyệt. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định nội dung, thẩm quyền thẩm định thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 21. Hồ sơ trình phê duyệt dự án tu bổ di tích

1. Văn bản đề nghị phê duyệt dự án tu bổ di tích của chủ đầu tư;

2. Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Nghị định này;

3. Hồ sơ dự án tu bổ di tích bao gồm phần thuyết minh, bộ ảnh và thiết kế cơ sở;

4. Các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định dự án và văn bản khác có liên quan.

Điều 22. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích

1. Chủ đầu tư lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích để trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt trong trường hợp sau:

a) Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích chỉ dừng ở mức độ gia cố, sửa chữa nhỏ những hạng mục, cấu kiện đơn giản, không ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích và không phải lựa chọn các phương án khác nhau;

b) Chỉ cải tạo hoặc xây dựng công trình mới phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

2. Nội dung báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích bao gồm:

a) Căn cứ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích;

b) Giới thiệu khái quát về di tích và giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của di tích;

c) Báo cáo khảo sát sơ bộ về các vấn đề kiến trúc nghệ thuật, kỹ thuật, vật liệu xây dựng di tích; đánh giá tình trạng kỹ thuật và các kết quả khảo sát theo quy định của Luật xây dựng;

d) Mục tiêu bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

đ) Phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi từng hạng mục của di tích; phương án bảo vệ di tích và các hiện vật trong quá trình thi công; phương án phòng, chống mối mọt, phòng, chống cháy nổ; phương án xây dựng công trình mới, hạ tầng kỹ thuật;

e) Dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

3. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Điều 23. Điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích

1. Dự án tu bổ di tích và báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích sau khi đã được phê duyệt và triển khai thực hiện chỉ được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có quy định mới của pháp luật về xây dựng, pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan;

b) Có sự bổ sung phát hiện mới về di tích;

c) Có sự điều chỉnh lớn về quy hoạch di tích và phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

d) Có sự xuất hiện yếu tố tác động mới của môi trường có khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc gây nguy cơ hủy hoại di tích;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Người có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thì có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt việc điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2012.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành định mức chi phí lập quy hoạch di tích, lập dự án tu bổ di tích, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, lập thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích.

3. Các quy hoạch, dự án tu bổ di tích được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì không phải trình duyệt lại quy hoạch, dự án, các nội dung công việc tiếp theo thực hiện theo quy định của Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng